

PHỤ LỤC I

	2006 Triệu đồng	2005 Triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền, kim loại quý và đá quý	2.283.118	1.532.104
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1.562.926	988.784
Tiền gửi tại các ngân hàng nước ngoài	2.839.850	427.153
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước	13.206.019	5.926.613
Cho vay các tổ chức tín dụng trong nước	349.393	181.407
Cho vay và tạm ứng cho vay khách hàng	16.765.339	9.383.617
Trừ: dự phòng rủi ro tín dụng	(60.305)	(20.825)
Đầu tư chứng khoán nợ		
- sẵn sàng để bán	-	456.515
- giữ đến ngày đáo hạn	4.197.560	4.347.252
Đầu tư vào công ty con	598.640	178.500
Đầu tư vào các đơn vị khác	149.398	37.382
Tài sản cố định hữu hình	358.762	256.060
Tài sản cố định vô hình	17.078	12.470
Xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định	217.777	155.628
Tài sản khác	1.861.057	384.356
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	44.346.612	24.247.016
NGUỒN VỐN		
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	941.286	967.312
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng trong nước	3.049.941	1.103.576
Vốn nhận từ Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác	288.532	265.428
Tiền gửi của khách hàng	33.618.503	19.995.787
Trái phiếu chuyển đổi phát hành	1.650.069	-
Nợ khác	3.141.200	624.094
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	26.675	18.007
TỔNG NỢ	42.716.206	22.974.204
VỐN VÀ CÁC QUỸ		
Vốn điều lệ	1.100.047	948.316
Các quỹ dự trữ	168.530	130.348
Lợi nhuận chưa phân phối	361.829	194.148
TỔNG VỐN VÀ CÁC QUỸ	1.630.406	1.272.812
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	44.346.612	24.247.016
CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIẾM TẮNG	1.366.019	816.930



Chủ tịch
Trần Mộng Hùng
Ngày 05 tháng 3 năm 2007

Tổng Giám đốc
Lý Xuân Hải

Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Hòa

PHỤ LỤC III

	2006 Triệu đồng	2005 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	658.813	385.071
Điều chỉnh từ lợi nhuận trước thuế sang tiền thu vào thuần từ các hoạt động kinh doanh:		
Khấu hao	42.796	25.091
Dự phòng rủi ro tín dụng	40.597	12.201
(Lãi)/lỗ do thanh lý tài sản cố định	(37)	(109)
Lỗ do kinh doanh chứng khoán	(62.167)	-
Thu lãi đầu tư chứng khoán	(314.291)	(286.276)
Thu cổ tức	(71.182)	(29.618)
LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI CỦA TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ KINH DOANH	294.529	106.360
Tăng dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(551.619)	(245.418)
Tăng tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác trong và ngoài nước	(3.716.725)	(1.872.806)
Tăng cho vay các tổ chức tín dụng trong nước	(168.763)	(120.443)
Tăng cho vay và tạm ứng cho khách hàng	(7.381.722)	(2.702.309)
Tăng lãi dự thu	(431.653)	(159.288)
Tăng tài sản khác	(1.045.388)	(38.918)
Tăng tiền vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(26.026)	898.642
Tăng tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng trong nước	1.946.365	102.770
Tăng vốn nhận từ Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác	23.104	21.478
Tăng tiền gửi của khách hàng	13.622.716	6.949.813
Tăng các khoản lãi dự chi	229.966	113.692
Tăng các khoản nợ khác	2.287.140	167.578
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	5.081.924	3.221.151
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	(159.077)	(82.803)
Chi từ các quỹ dự trữ	(18.315)	(3.394)
Thu được nợ khó đòi đã xóa sổ	24	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4.904.556	3.134.954

	2006 Triệu đồng	2005 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(212.255)	(179.171)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	37	368
Mua chứng khoán nợ	(1.557.069)	(2.495.952)
Tiền thu từ bán chứng khoán nợ	2.163.276	563.935
Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán	314.291	286.276
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	(551.742)	(149.454)
Thu cổ tức	71.182	29.618
Thu thanh lý đầu tư vào các đơn vị khác	81.753	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	309.473	(1.944.380)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Cổ tức đã trả cho các cổ đông	(115.183)	(70.821)
Tiền thu do phát hành trái phiếu chuyển đổi	1.650.069	-
Tiền thu do tăng vốn điều lệ	-	348.316
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	1.534.886	277.495
TĂNG/(GIẢM) TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	6.748.915	1.468.069
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI NGÀY 1 THÁNG 1	3.099.887	1.631.818
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12	9.848.802	3.099.887
Tiền và các khoản tương đương tiền gồm có:		
Tiền, kim loại quý và đá quý	2.283.118	1.532.104
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	237.774	215.251
Tiền gửi tại các ngân hàng nước ngoài	2.839.850	331.921
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước	4.488.060	1.020.611
	9.848.802	3.099.887




 Chủ tịch
 Trần Mộng Hùng
 Ngày 05 tháng 3 năm 2007


 Tổng Giám đốc
 Lý Xuân Hải


 Kế toán trưởng
 Nguyễn Văn Hòa